

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÔN ĐẢO  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 19-7-2024  
Về việc: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÔN ĐẢO, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Túy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đoàn Thị Lan
- Bà Đoàn Thị Diệu Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Hữu Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2024, về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Hiếu N, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Danh T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Khu dân cư S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai, các biên bản làm việc và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Hiếu N trình bày:*

Chị Phan Hiếu N và anh Trần Danh T quen biết nhau từ năm 2020 tại C. Sau một thời gian tìm hiểu thì chị N và anh T đã tổ chức lễ cưới tại địa phương. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy kết hôn số 20, ngày 25/6/2020.

Trong thời gian chung sống với nhau, chị N và anh T có 01 con chung là cháu Trần Quang N1, sinh ngày 07/04/2021. Thời gian đầu thì hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng yêu thương và hòa thuận với nhau. Đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, khác biệt về tính cách, lối sống giữa vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau. Chị N cũng đã cố gắng hoà

hợp, giữ gìn cuộc hôn nhân để con có đủ cha mẹ nhưng anh **T** không có thay đổi hay ý muốn giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn hôn nhân. Chị **N** đã quá mệt mỏi với các cuộc tranh cãi không có hồi kết, níu kéo chỉ làm cho tình trạng hôn nhân xấu hơn. Ngoài ra, anh **T** còn nghiện hút từ lúc cưới nhau cho đến nay. Đã nhiều lần anh **T** hứa bỏ và sửa đổi nhưng đến nay vẫn không thay đổi được.

Nay, chị **N** thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **N** yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo giải quyết những vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **N** được ly hôn với anh **Trần Danh T**.

Về con chung: Chị **N** và anh **T** có 01 con chung là cháu **Trần Quang N1**, sinh ngày 07/04/2021. Hiện cháu còn nhỏ và đang ở cùng với chị **N**. Nay, chị **N** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Trần Quang N1** và yêu cầu anh **Trần Danh T** cấp dưỡng để chị **N** nuôi dưỡng cháu **Trần Quang N1** là 3.000.000đ/1 tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trần Quang N1** đủ 18 tuổi.

Về nợ chung: Chị **N** xác định chị **N** và anh **T** không có nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị **N** xác định chị **N** và anh **T** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản tự khai, các biên bản làm việc tại Tòa án, bị đơn anh **Trần Danh T** trình bày:

Anh Tú đồng ý với trình bày của chị **N** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến gây gổ, cãi vã nhau. Anh Tú thường đi làm về muộn không có thời gian quan tâm vợ và chăm sóc con. Bên cạnh đó, anh **T** đã sử dụng chất gây nghiện cần sa, nhiều lần hứa bỏ nhưng vẫn chưa bỏ được nên chị **N** chán nản, không còn tình cảm với anh **T**. Tháng 5/2024, anh **T** bị **Công an huyện C** xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000đồng về hành vi sử dụng chất gây nghiện. Trong cuộc sống vợ chồng có lúc cãi vã và không kim chế được nên anh **T** có đánh đập chị **N** 01 lần vào tháng 01/2023. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 5 năm 2024, chị **N** và anh **T** đã sống ly thân cho đến nay.

Nay, chị **N** yêu cầu ly hôn nhưng anh **T** không đồng ý ly hôn vì muốn cho con có cha, có mẹ. Anh Tú hứa sẽ thay đổi, không sử dụng chất gây nghiện cần sa nữa và sẽ quan tâm chăm sóc vợ và con nhiều hơn.

Về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh **T** đồng ý theo yêu cầu của chị **N** là đồng ý giao cháu **Trần Quang N1**, sinh ngày 07/04/2021 cho chị **N** trực tiếp nuôi dưỡng và anh **T** đồng ý cấp dưỡng để chị **N** nuôi cháu **Trần Quang N1** mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ

ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trần Quang N1** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Tú xác định anh **T** và chị **N** không có tài sản chung và nợ chung của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **Phan Hiếu N**.

Về con chung và cấp dưỡng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung giữa chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** cụ thể là chị **N** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Trần Quang N1**, sinh ngày 07/04/2021. Anh Tú đồng ý cấp dưỡng để chị **N** nuôi dưỡng cháu **Trần Quang N1** mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trần Quang N1** đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nơi cư trú của anh **Trần Danh T** là khu dân cư số 9, **huyện C** nên Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt còn bị đơn vắng mặt lần

thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** đăng ký kết hôn vào ngày 25/6/2020 tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Trong quá trình sống chung đến năm 2023, giữa chị **N** và anh **T** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cãi vã nhau thường xuyên. Anh **T** sử dụng ma túy từ năm 2020 cho đến nay nhiều lần hứa bỏ nhưng không bỏ được. Ngoài ra, lúc cãi vã nhau anh **T** còn đánh đập chị **N** nên từ tháng 5/2024 cho đến nay chị **N** và anh **T** đã sống ly thân như trình bày của chị **N** và anh **T** là có cơ sở.

[2.2.1] Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của chị **N**; Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để chị **N** và anh **T** hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng đều không có kết quả. Chị **N** vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn còn anh **T** không đồng ý ly hôn với lý do là muốn hàn gắn tình cảm gia đình và nuôi dạy con chung.

[2.2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Chị **N** và anh **T** đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng. Anh **T** là người sử dụng ma túy từ năm 2020 cho đến nay mặc dù nhiều lần hứa từ bỏ nhưng vẫn không từ bỏ được. Ngoài ra, do mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến cãi vã nên có lúc anh **T** còn đánh đập chị **N**. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa chị **N** và anh **T** ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **Phan Hiếu N** được ly hôn với anh **Trần Danh T**.

[2.3] Về quan hệ con chung và cấp dưỡng: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** có 01 con chung là cháu **Trần Quang N1**, sinh ngày 07/04/2021. Trong quá trình giải quyết vụ án anh **T** đồng ý giao con chung là cháu **Trần Quang N1** cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng để chị **N** nuôi dưỡng cháu **Trần Quang N1** mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trần Quang N1** đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy cần ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên của đương sự.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị **Phan Hiếu N** phải nộp 300.000đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị **N** đã nộp theo biên lai số 0012116 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Chị **N** đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh **Trần Danh T** phải nộp 300.000đồng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Phan Hiếu N** được ly hôn với anh **Trần Danh T**.

2. Về quan hệ con chung: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** có 01 con chung là cháu **Trần Quang N1**, sinh ngày 07/04/2021.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** như sau: Chị **Phan Hiếu N** được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu **Trần Quang N1**.

Sau khi ly hôn, chị **N** và anh **T** đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Anh **T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** như sau: Anh **Trần Danh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị **Phan Hiếu N** nuôi dưỡng cháu **Trần Quang N1** mỗi tháng là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **Trần Quang N1** đủ 18 tuổi.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Phan Hiếu N** và anh **Trần Danh T** xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị **Phan Hiếu N** phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0012116 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Côn Đảo. Chị **Phan Hiếu N** đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Trần Danh T** phải nộp 300.000đồng án phí đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Côn Đảo;
- Chi cục THA dân sự huyện Côn Đảo;
- UBND huyện Côn Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thanh Túy**